ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 559/QĐ-UBND	*Quảng Nam, ngày 03 tháng 3 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 13/01/2021 của HĐND tỉnh Quảng Nam Quy định chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2021-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 01 năm 2021 của HĐND tỉnh Quảng Nam khóa IX, kỳ họp thứ 21 Quy định chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 61/TTr-SNN&PTNT ngày 26 tháng 02 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 01 năm 2021 của HĐND tỉnh Quảng Nam về chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng Ban Điều hành Chương trình phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc

Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, các Hội, đoàn thể tỉnh;
- Báo Quảng Nam;
- Đài PT-TH Quảng Nam;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Chi cục Thủy lợi;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTTH, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Quang Bửu

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 01 năm 2021 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2021-2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 02 năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chính sách hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, bao gồm: Đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp công trình tích trữ nước, hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, trạm bơm điện, cống và kiên cố kênh mương đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới; trong đó, cấp huyện, xã triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh được chia ra các khu vực sau:

a) Khu vực I: Gồm các huyện, thị xã, thành phố: Tam Kỳ, Hội An, Điện Bàn, Đại Lộc, Duy Xuyên, Thăng Bình, Quế Sơn, Phú Ninh, Núi Thành (trừ các xã miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và xã hải đảo thuộc các địa phương nêu trên).

b) Khu vực II: Gồm các huyện: Hiệp Đức, Tiên Phước, Nông Sơn và các xã miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, xã hải đảo thuộc các huyện, thị xã, thành phố đã nêu tại khu vực I.

c) Khu vực III: Gồm các huyện: Đông Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Tây Giang, Bắc Trà My, Nam Trà My.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức thủy lợi cơ sở, cá nhân là thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân) có liên quan trong đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Mục tiêu, khối lượng thực hiện giai đoạn 2021 - 2025

1. Mục tiêu chung:

Nâng cao hiệu quả phục vụ của hệ thống công trình thủy lợi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; trong đó ưu tiên đầu tư những khu vực

có diện tích sản xuất nông nghiệp lớn, các xã nông thôn mới, các cánh đồng dồn điền đổi thửa, cánh đồng mẫu và các khu vực sản phẩm nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao trong tổng sản phẩm của địa phương, từng bước chuyển đổi sang cây trồng cạn có giá trị kinh tế cao, áp dụng công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, góp phần hoàn thiện cơ sở hạ tầng nông nghiệp nông thôn và xây dựng nông thôn mới, thích ứng với tình hình biến đổi khí hậu đang diễn ra hiện nay.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Về kiên cố hoá kênh mương (thuộc hệ thống thủy lợi nội đồng): Đầu tư kiên cố hoá kênh mương nhằm ổn định công trình, tăng khả năng chống chịu với thiên tai, giảm tổn thất nước trên kênh, giảm chi phí duy tu bảo dưỡng kênh, gắn với việc phát triển giao thông nội đồng, chỉnh trang bộ mặt nông thôn.

Thực hiện đầu tư kiên cố ít nhất 200 km, với kinh phí là khoảng 200 tỷ đồng. Bình quân mỗi năm kiên cố ít nhất 40 km, với kinh phí là 40 tỷ đồng, trong đó ngân sách tỉnh hỗ trợ khoảng 32 tỷ đồng, phần còn lại do địa phương bố trí ngân sách, lồng ghép các nguồn vốn từ các dự án, chương trình khác và huy động từ các nguồn vốn hợp pháp khác.

b) Về thuỷ lợi nhỏ (đập dâng, trạm bơm, ao thu nước nhỉ, cống và thủy lợi cho vùng đất màu): Nâng cao năng lực phục vụ các công trình thủy lợi hiện có; ổn định tưới diện tích lúa chủ động nước tại các địa phương trung du miền núi trên cơ sở Quy hoạch thủy lợi của tỉnh đã được duyệt.

Đầu tư xây dựng ít nhất 25 công trình thuỷ lợi nhỏ (nâng cấp, sửa chữa và xây dựng mới), với kinh phí khoảng 75 tỷ đồng. Bình quân mỗi năm đầu tư ít nhất 05 công trình, với ngân sách tỉnh hỗ trợ ít nhất là 12 tỷ đồng; phần còn lại do địa phương bố trí ngân sách, lồng ghép các nguồn vốn từ các dự án, chương trình khác và huy động từ các nguồn vốn hợp pháp khác.

c) Về tưới tiên tiến, tiết kiệm nước: Áp dụng mô hình tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (công trình tưới ngầm, tưới phun mưa, tưới nhỏ giọt), đảm bảo nguồn nước phục vụ tưới cho cây màu, cây trồng cạn góp phần tăng thu nhập, nâng cao đời sống nhân dân.

Số lượng công trình đầu tư trên cơ sở đề xuất hằng năm của mỗi địa phương, đơn vị. Theo đó, dự kiến đầu tư xây dựng ít nhất 50 công trình, với kinh phí khoảng 50 tỷ đồng. Bình quân mỗi năm đầu tư ít nhất 10 công trình, với kinh phí khoảng 10 tỷ đồng; trong đó ngân sách tỉnh hỗ trợ khoảng 06 tỷ đồng, phần còn lại do địa phương bố trí ngân sách, lồng ghép các nguồn vốn từ các dự án, chương trình khác và huy động từ các nguồn vốn hợp pháp khác (đối ứng của các tổ chức, cá nhân liên quan).

Điều 3. Chính sách, cơ chế hỗ trợ

1. Về đầu tư kiên cố hoá kênh mương

a) Khu vực I: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 70% tổng mức đầu tư công trình; ngân sách cấp huyện, cấp xã, hợp tác xã 30%, trong đó tỷ lệ hỗ trợ của cấp huyện, cấp xã, hợp tác xã do Hội đồng nhân dân cấp huyện quy định.

b) Khu vực II: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 90% tổng mức đầu tư công trình; ngân sách cấp huyện 10%.

c) Khu vực III: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 95% tổng mức đầu tư công trình; ngân sách cấp huyện 5%.

d) Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% đối với các công trình do Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Quảng Nam quản lý.

2. Về đầu tư phát triển thủy lợi nhỏ

a) Khu vực I: Ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 70% tổng mức đầu tư công trình nhưng không quá 03 tỷ đồng/công trình; ngân sách cấp huyện, cấp xã, hợp tác xã 30%, trong đó tỷ lệ hỗ trợ của cấp huyện, cấp xã, hợp tác xã do Hội đồng nhân dân cấp huyện quy định.

b) Khu vực II: Ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 90% tổng mức đầu tư công trình nhưng không quá 03 tỷ đồng/công trình. Phần kinh phí còn lại do ngân sách cấp huyện hỗ trợ.

c) Khu vực III: Ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 95% tổng mức đầu tư công trình nhưng không quá 03 tỷ đồng/công trình. Phần kinh phí còn lại do ngân sách cấp huyện hỗ trợ.

d) Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% đối với các công trình do Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Quảng Nam quản lý nhưng không quá 03 tỷ đồng/công trình.

3. Về đầu tư công trình tưới tiên tiến, tiết kiệm nước

a) Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình theo tỷ lệ sau:

- Khu vực I: Ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 50% tổng mức đầu tư công trình nhưng không quá 40 triệu đồng/01ha. Phần kinh phí còn lại do ngân sách địa phương, tổ chức, cá nhân đầu tư thực hiện.

- Khu vực II: Ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 70% tổng mức đầu tư công trình nhưng không quá 60 triệu đồng/01ha. Phần kinh phí còn lại do ngân sách địa phương, tổ chức, cá nhân đầu tư thực hiện.

- Khu vực III: Ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 90% tổng mức đầu tư công trình nhưng không quá 80 triệu đồng/01ha. Phần kinh phí còn lại do ngân sách địa phương, tổ chức, cá nhân đầu tư thực hiện.

b) Hỗ trợ san phẳng đồng ruộng: Ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa 50% đối với các khu vực nhưng không quá 10 triệu đồng/01ha.

c) Điều kiện hỗ trợ:

- Phù hợp với quy hoạch chung xây dựng ở cấp xã.

- Đối với cá nhân: Quy mô khu tưới phải đạt từ 0,3 ha trở lên đối với khu vực I và 0,1 ha trở lên đối với khu vực II, khu vực III; việc hỗ trợ cho cá nhân thông qua tổ chức thủy lợi cơ sở.

- Đối với tổ chức thủy lợi cơ sở: Quy mô khu tưới phải đạt từ 02 ha trở lên đối với khu vực I và 01 ha trở lên đối với khu vực II, khu vực III; đồng thời phải có hợp đồng liên kết với hộ gia đình hoặc cá nhân trực tiếp sản xuất.

- Hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước phục vụ các loại cây trồng là cây chủ lực của quốc gia, địa phương, có lợi thế, phù hợp nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu: Theo danh mục quy định sản phẩm, cây trồng chủ lực của địa phương, tỉnh và quốc gia được phê duyệt.

Điều 4. **Kinh phí đền bù, giải phóng mặt bằng**

Phần kinh phí đền bù, giải phóng mặt bằng để thực hiện kiên cố hóa kênh mương; công trình thủy lợi nhỏ; công trình tưới tiên tiến, tiết kiệm nước do địa phương và nhân dân đóng góp thực hiện.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ địa phương thực hiện chính sách thông qua chương trình, dự án trực tiếp hoặc lồng ghép trong các chương trình, dự án có liên quan.

2. Nguồn ngân sách địa phương (gồm tỉnh, huyện, xã) và các nguồn vốn hợp pháp khác (doanh nghiệp, hợp tác xã…).

Điều 6. Giải pháp và trình tự thủ tục thực hiện

1. Giải pháp thực hiện

a) Tập trung đầu tư xây dựng cho các khu vực dồn điền, đổi thửa, chuyển đổi cây trồng, khu vực hạn hán, vùng khó khăn nguồn nước ở cuối kênh; khu vực cây trồng có giá trị kinh tế cao, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước vào sản xuất và ưu tiên đầu tư cho các xã đang phấn đấu về đích xây dựng Chương trình nông thôn mới trong giai đoạn 2021-2025.

b) Các địa phương cần tổ chức khảo sát, lập quy hoạch phát triển sản xuất gắn với đầu tư hệ thống thuỷ lợi trên địa bàn đảm bảo hoàn chỉnh và đồng bộ, từ đó lập kế hoạch chi tiết cho từng danh mục cụ thể theo từng năm để có cơ sở bố trí kinh phí thực hiện.

c) Xây dựng công trình thuỷ lợi nhỏ tập trung chủ yếu thực hiện sửa chữa, nâng cấp các công trình hiện có trên địa bàn để phát huy hiệu quả công trình, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nước. Đối với việc đầu tư xây dựng mới, cần rà soát, đánh giá cụ thể nguồn nước, diện tích tưới chủ động nước để đảm bảo tiêu chí nông thôn mới và phù hợp với quy hoạch.

d) □u tiên xây dựng các công trình tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn để tăng thu nhập và đảm bảo ổn định đời sống nhân dân.

e) Tiến hành kiên cố kênh m□□ng theo hướng ưu tiên đầu tư những khu vực có diện tích sản xuất nông nghiệp lớn, các xã nông thôn mới và sản phẩm nông

nghiệp chiếm tỷ trọng cao trong tổng sản phẩm của địa phương để ổn định công trình nhằm tăng khả năng chống chịu với thiên tai, tiết kiệm nước, giảm chi phí duy tu bảo dưỡng công trình gắn với phát triển giao thông nội đồng, chỉnh trang nông thôn.

f) Áp dụng thiết kế mẫu về kênh mương để giảm chi phí đầu tư.

2. Về trình tự, thủ tục thực hiện:

a) Các huyện, thị xã, thành phố và Công ty TNHH một thành viên khai thác thủy lợi Quảng Nam lập đề xuất chủ trương đầu tư (theo thứ tự ưu tiên) xây dựng các công trình phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT (qua Chi cục Thủy lợi) vào cuối tháng 9 hằng năm để tổng hợp và thống nhất kế hoạch, danh mục công trình thực hiện.

b) Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính cân đối nguồn lực tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định dự toán ngân sách để phân bổ cho các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện.

c) Sau khi UBND tỉnh quyết định giao dự toán ngân sách, UBND các huyện, thị xã, thành phố trình HĐND cùng cấp quyết định dự toán ngân sách địa phương trên cơ sở danh mục công trình đã được duyệt (trong đó phân rõ nguồn vốn tỉnh, nguồn đối ứng của địa phương, nguồn khác); đồng thời gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT để theo dõi, kiểm tra và tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

d) Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức lập báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình. Cơ quan chuyên môn cấp huyện theo phân cấp chịu trách nhiệm thẩm định, trình phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình trên cơ sở ý kiến góp ý hoặc thỏa thuận của Phòng Nông nghiệp và PTNT (Phòng Kinh tế) cấp huyện.

e) Đơn vị trực tiếp quản lý công trình có trách nhiệm quản lý, bảo vệ, vận hành, duy tu, sửa chữa để đảm bảo công trình hoạt động bền vững và hiệu quả.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và PTNT

a) Là cơ quan thường trực Ban điều hành Chương trình của tỉnh (giao Chi cục Thủy lợi là Văn phòng thường trực); chủ trì, tham mưu và có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, thống nhất kế hoạch, danh mục đầu tư của các địa phương, đơn vị để hằng năm, tổng hợp báo cáo trình UBND tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với các ngành và địa phương tham mưu dự kiến kế hoạch ngân sách tỉnh hỗ trợ cho các địa phương, đơn vị trong giai đoạn 2021-2025 để thực hiện từng nội dung hỗ trợ của Chương trình; thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện chính sách và theo dõi, tổng hợp, định kỳ hằng năm báo cáo UBND tỉnh, HDND tỉnh kết quả thực hiện Chương trình.

c) Hướng dẫn, triển khai thực hiện thiết kế mẫu về kiên cố kênh mương.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các ngành liên quan, cân đối nguồn vốn, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua để phân bổ nguồn vốn hằng năm cho các địa phương, đơn vị thực hiện.

b) Hỗ trợ, hướng dẫn các địa phương, tổ chức cá nhân liên quan về hồ sơ, trình tự thủ tục đầu tư và thanh quyết toán theo đúng các quy định của Nhà nước.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường: Tham mưu UBND tỉnh giải quyết các thủ tục về đất đai trong xây dựng công trình thủy lợi và xử lý đất thừa, thiếu (nếu có) để thực hiện Chương trình được nhanh chóng, kịp thời tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng.

4. Các Sở, Ban, ngành có liên quan tham gia Ban Điều hành Chương trình có trách nhiệm theo dõi, giám sát và đôn đốc thực hiện Chương trình theo chức năng nhiệm vụ được giao.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

a) Chịu trách nhiệm chỉ đạo triển khai Chương trình ở địa phương. Thành lập Ban Điều hành Chương trình ở cấp huyện để theo dõi, giám sát quá trình triển khai thực hiện.

b) Tổ chức phổ biến, quán triệt Nghị quyết của HĐND tỉnh và Quyết định của UBND tỉnh đến người dân.

c) Thực hiện công khai, minh bạch về chính sách hỗ trợ, mức hỗ trợ theo quy định.

d) Thực hiện việc rà soát danh mục đầu tư trên cơ sở nhu cầu cấp thiết của các địa phương, tổ chức thủy lợi cơ sở; trong đó chú ý một số nội dung như: phù hợp và nằm trong quy hoạch chung về phát triển thủy lợi của tỉnh, huyện và xã nông thôn mới; ưu tiên thực hiện đối với các cánh đồng dồn điền đổi thửa, cánh đồng mẫu; đối với các công trình đập dâng phải thực hiện kiểm tra, đo đạc dòng chảy tối thiểu; đối với các trạm bơm nguồn nước cơ bản phải đảm bảo phục vụ tưới ổn định. Ngoài ra, với công trình thủy lợi nhỏ xây dựng mới cần đầu tư đồng bộ công trình đầu mối và hệ thống kênh sau đập.

e) Lập kế hoạch hàng năm phù hợp với điều kiện của từng địa phương và đúng theo quy định, phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục theo thứ tự ưu tiên, trong đó xác định rõ nguồn đầu tư của địa phương, đối ứng và lồng ghép các nguồn vốn khác để thực hiện. Gửi kế hoạch về Sở Nông nghiệp và PTNT (qua Chi cục Thủy lợi) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh. Thời hạn gửi kế hoạch cuối tháng 9 hằng năm.

f) Giao Phòng Nông nghiệp và PTNT (Phòng Kinh tế) là cơ quan chủ trì, đầu mối ở cấp huyện, tham mưu xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện Chương trình ở địa phương và báo cáo kết quả thực hiện hàng năm về Sở Nông nghiệp và PTNT (qua Chi cục Thủy lợi) theo quy định.

g) Phát động phong trào thi đua xây dựng công trình thủy lợi rộng khắp trên địa bàn. Hàng năm tổ chức sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm chỉ đạo và kịp thời

khen thưởng các đơn vị, địa phương có thành tích cao để động viên kích cầu tham gia nhằm hoàn thành tốt mục tiêu Chương trình.

h) Chỉ đạo củng cố các tổ chức thủy lợi cơ sở ở địa phương để phối hợp tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Là cơ quan trực tiếp chỉ đạo tổ chức triển khai chương trình trong phạm vi quản lý.

b) Tổ chức họp dân bàn thống nhất xây dựng để kế hoạch có tính khả thi cao; vận động nhân dân vùng dự án hiến đất, giải tỏa cây cối, công trình, vật kiến trúc, bàn giao mặt bằng để triển khai xây dựng công trình;

c) Phối hợp thành lập tổ giám sát cộng đồng để phối hợp với chủ đầu tư thực hiện công tác giám sát khối lượng, chất lượng, tiến độ công trình; phối hợp với chủ đầu tư giải quyết các vướng mắc phát sinh ở địa phương trong quá trình triển khai thực hiện.

d) Củng cố các tổ chức thủy lợi cơ sở để cùng phối hợp giám sát từ đầu việc thực hiện; tổ chức tiếp nhận, xây dựng kế hoạch vận hành và điều phối nước.

e) Thực hiện các nhiệm vụ do UBND cấp huyện phân công, ủy quyền.

f) Tiếp nhận, quản lý và đưa vào sử dụng các công trình trên địa bàn được bàn giao; bảo vệ, duy tu, bảo dưỡng công trình nhằm sử dụng hiệu quả lâu dài.

Điều 8. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, các Sở, ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp và đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn và quy định của pháp luật./.